

Số Tháng 6/2024



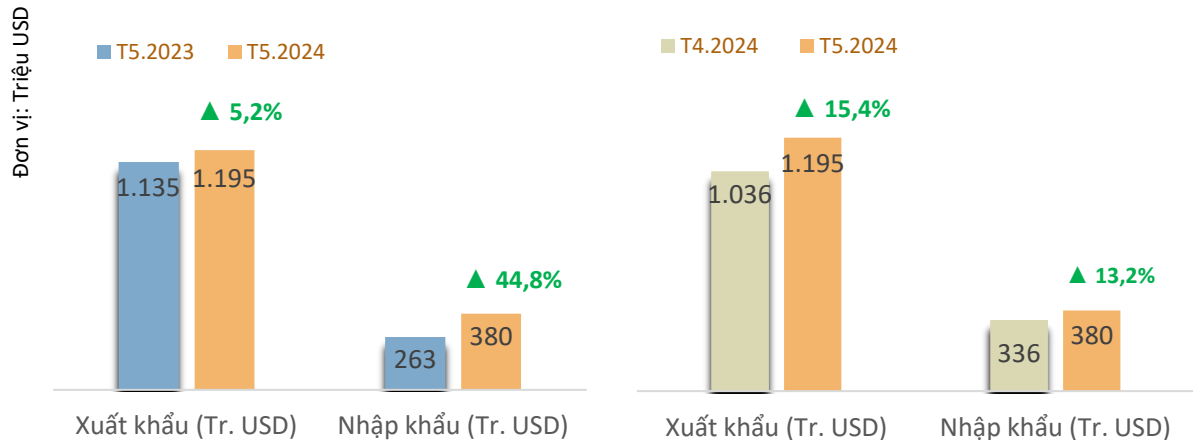
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

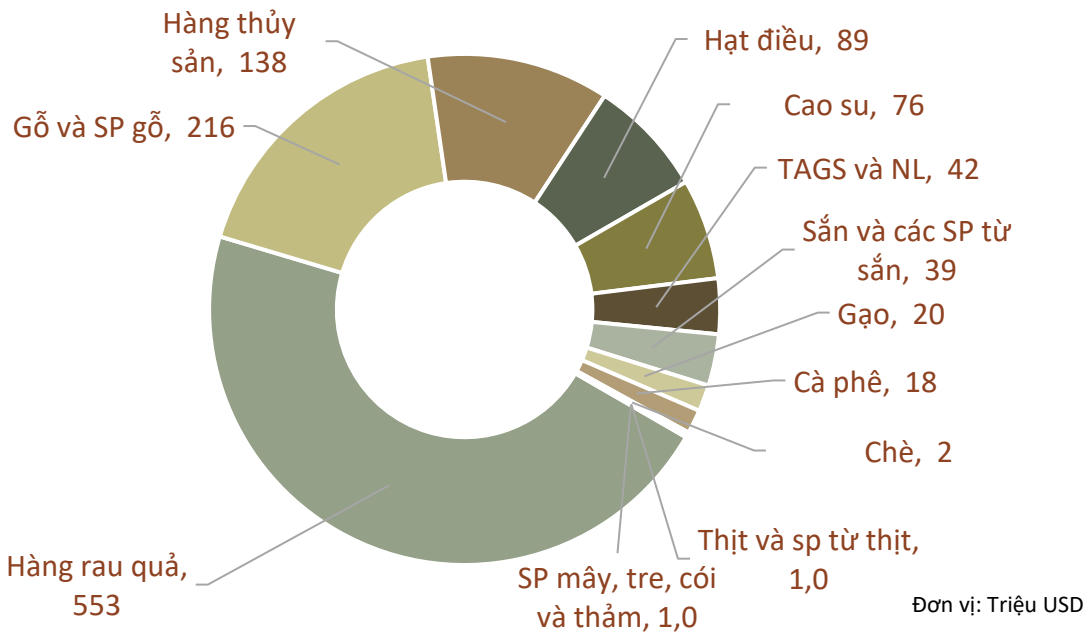


TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 5/2024

Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – Trung Quốc, T5/2024

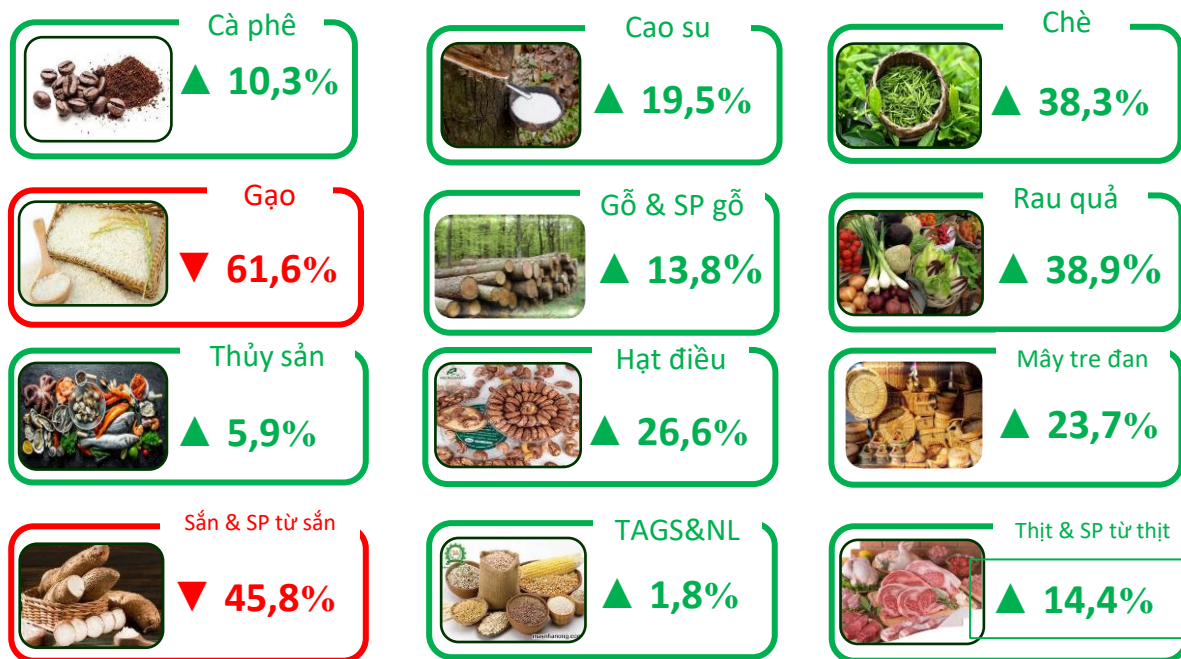


Kim ngạch XK NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T5/2024

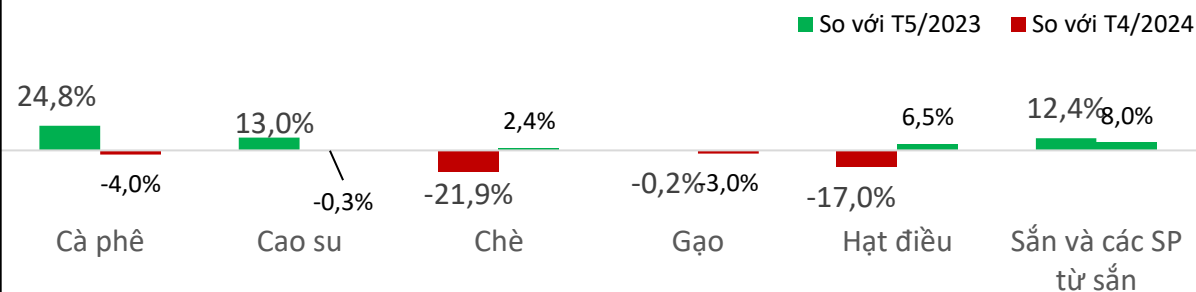


Biến động giá trị XK NLTS chính

sang thị trường Trung Quốc T5/2024 so với T4/2024



Biến động giá XK bình quân của một số sản phẩm NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T5/2024 so với T5/2023 và T4/2024



CPI của Trung Quốc tăng 4 tháng liên tiếp

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trong tháng 5 tăng 0,3% so với cùng kỳ năm ngoái, và là tháng thứ tư liên tiếp tăng.

Giá thành sản xuất (PPI) vẫn tiếp tục giảm, kéo dài giai đoạn giảm phát

diễn ra từ cuối năm 2022. PPI trong tháng 5 giảm 1,4% so với cùng kỳ năm ngoái, thấp hơn với mức giảm 2,5% trong tháng 4/2024 và tốt hơn dự báo của Bloomberg.

Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đang thúc đẩy chi tiêu của người tiêu dùng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, khủng hoảng lĩnh vực bất động sản và thất nghiệp ở giới trẻ

đang kìm hãm đà tăng trưởng.



Nguồn: Bnews.vn

Sản xuất Trung Quốc tăng cao nhất trong hơn 3 năm

Theo Caixin/S&P Global, chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) của Trung Quốc là 51,8 trong tháng 6 -- mức cao nhất kể từ giữa năm 2021, cho thấy hoạt động sản xuất có sự tăng trưởng. Sản lượng công nghiệp của Trung Quốc chạm đỉnh 2 năm trong tháng 6. Số đơn hàng trong nước và quốc tế cũng tăng. Tuy nhiên, mức tăng chậm hơn so với chỉ số chung.

Nhu cầu hàng hóa tiêu dùng và trung gian hiện cao hơn so với máy móc, thiết bị. Các chủ doanh nghiệp

đang đối mặt với chi phí tăng cao, do giá nguyên liệu (thép, nhôm, đồng) và chi phí vận chuyển tăng.

Chỉ số niềm tin của các hãng sản xuất đã xuống mức thấp nhất kể từ tháng 11/2019, do lo ngại cạnh tranh tăng cao và triển vọng tăng trưởng kinh tế thiếu chắc chắn.



Nguồn: Vnexpress.net



Tin liên quan



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang Trung Quốc, T5/2024



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T5/2024

KIM NGẠCH



553,1

triệu USD

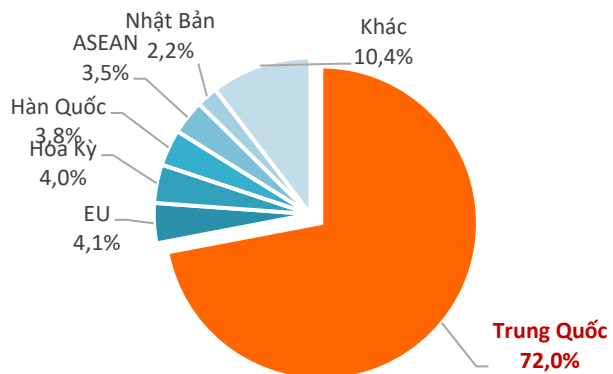
Tăng **38,9%** so với T4/2024

Tăng **14,6%** so với T5/2023

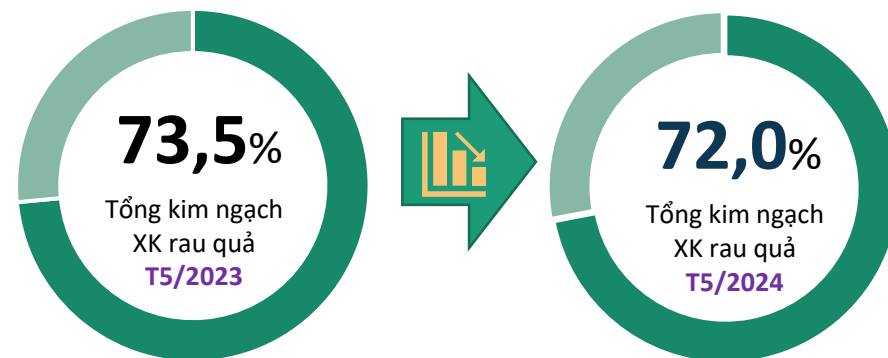
Cao hơn **249,9 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

Lũy kế 5 tháng đầu năm 2024 đạt **1,7** tỷ USD, đạt **47,0%** kim ngạch 2023

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam XK sang Trung Quốc, T5/2024

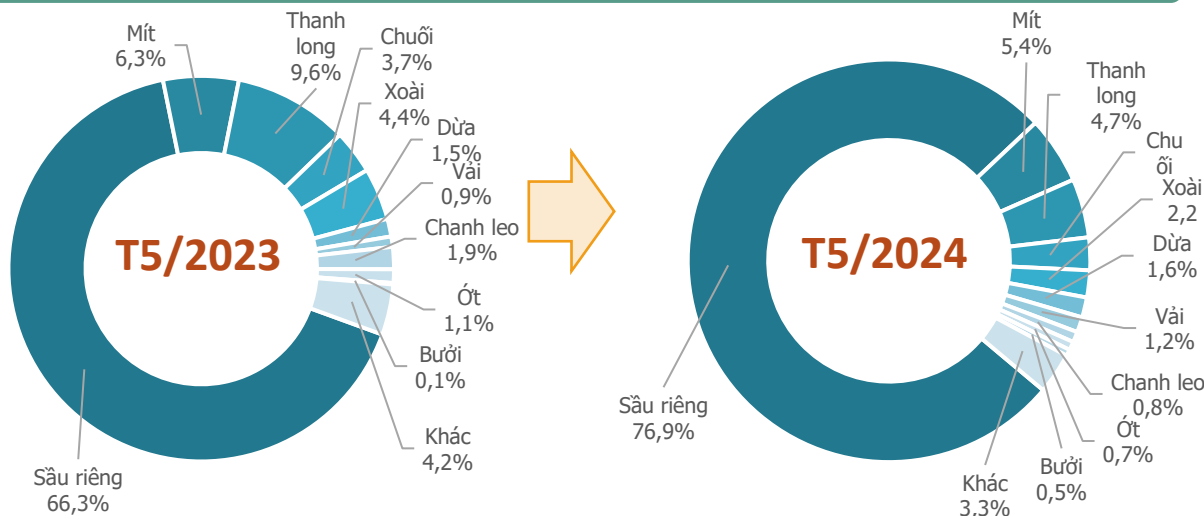


Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang Trung Quốc, T5/2024



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả XK sang Trung Quốc, T5/2024



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T5/2024



Sầu riêng

Kim ngạch: **425,1** triệu USD
 Tăng **108,4%** so với T4/2024
 Tăng **33,0%** so với T5/2023



Mít

Kim ngạch: **30,0** triệu USD
 Giảm **42,4%** so với T4/2024
 Giảm **1,8%** so với T5/2023



Thanh long

Kim ngạch: **26,2** triệu USD
 Giảm **33,2%** so với T4/2024
 Giảm **43,7%** so với T5/2023



Chuối

Kim ngạch: **14,5** triệu USD
 Giảm **36,1%** so với T4/2024
 Giảm **18,3%** so với T5/2023



Xoài

Kim ngạch: **12,0** triệu USD
 Giảm **57,9%** so với T4/2024
 Giảm **43,1%** so với T5/2023



Dừa

Kim ngạch: **8,9** triệu USD
 Tăng **44,4%** so với T4/2024
 Tăng **24,2%** so với T5/2023



Vải

Kim ngạch: **6,8** triệu USD
 Tăng **7714%** so với T4/2024
 Tăng **61,7%** so với T5/2023



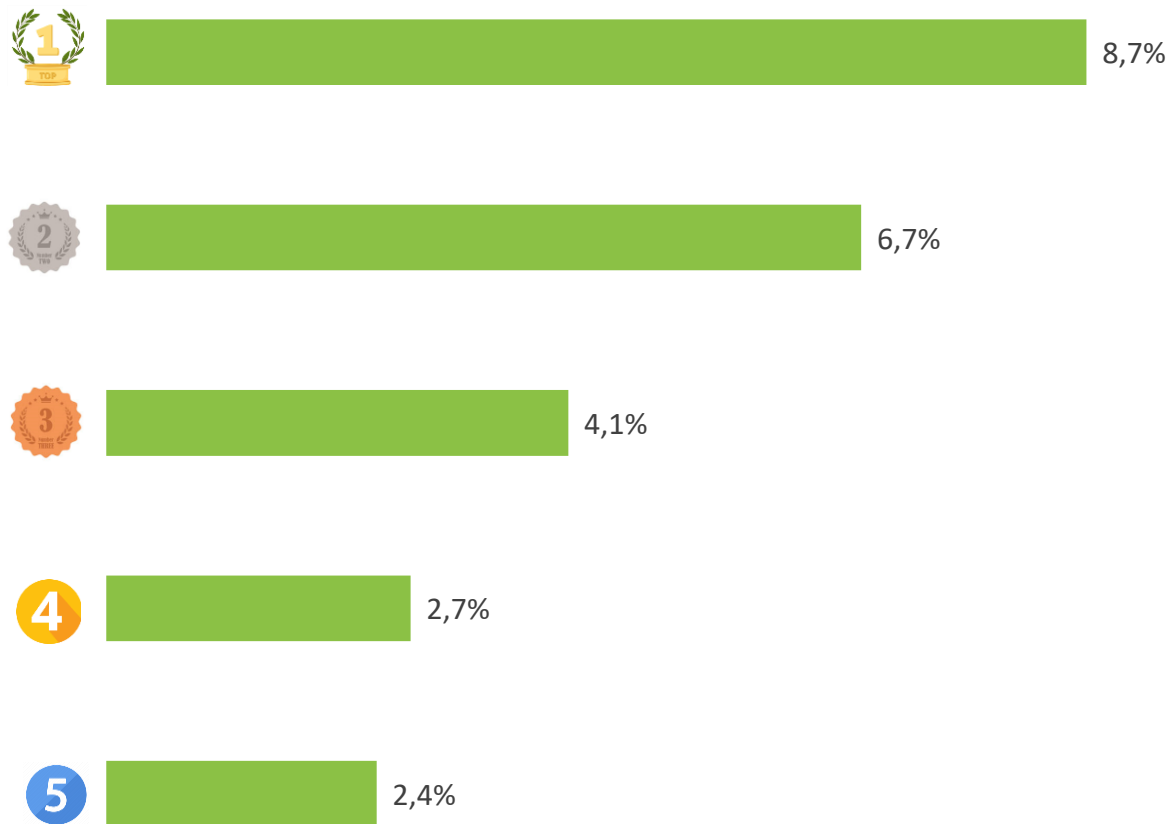
Chanh leo

Kim ngạch: **4,7** triệu USD
 Tăng **7,7%** so với T4/2024
 Giảm **47,9%** so với T5/2023

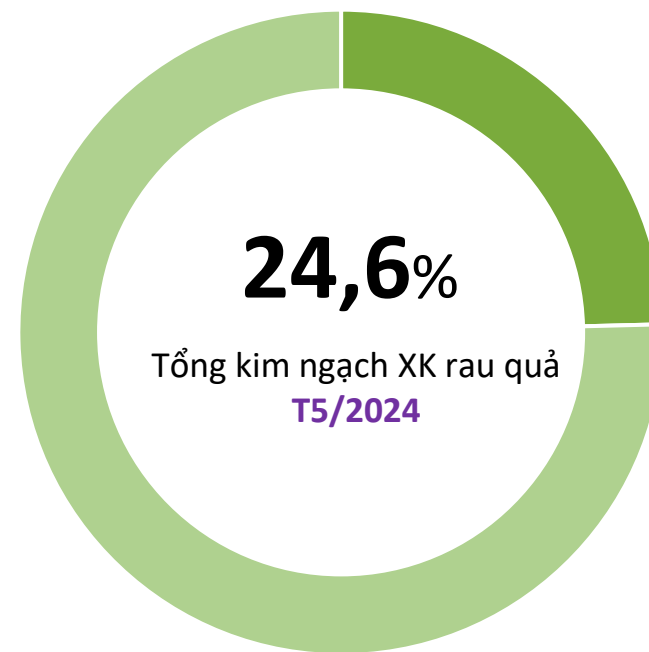


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc, T5/2024



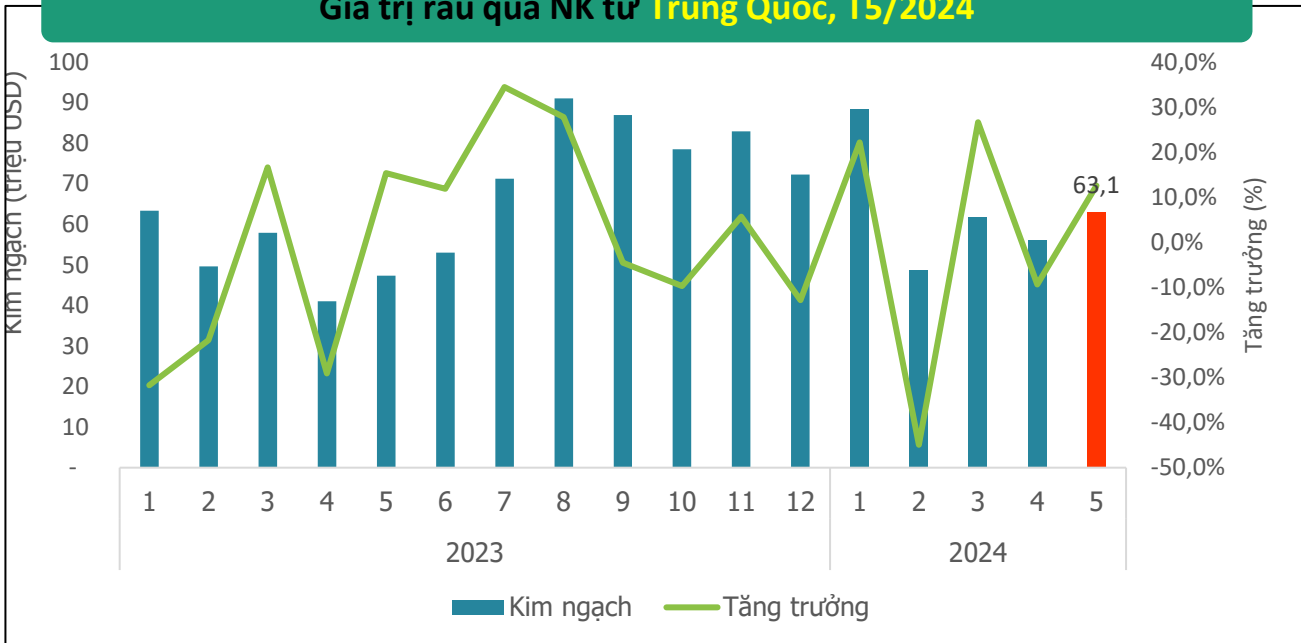
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang Trung Quốc, T5/2024





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T5/2024



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T5/2024

KIM NGẠCH



63,1

triệu USD

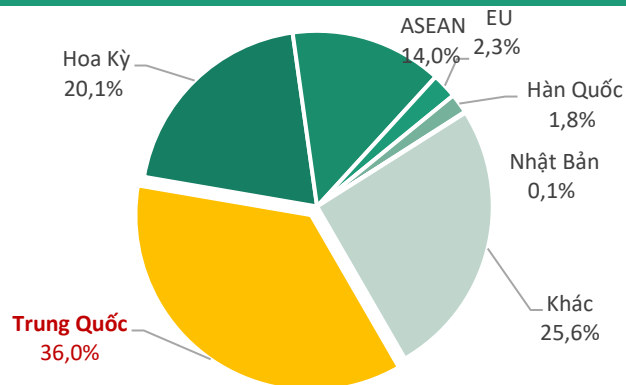
Tăng **12,6%** so với T4/2024

Tăng **33,2%** so với T5/2023

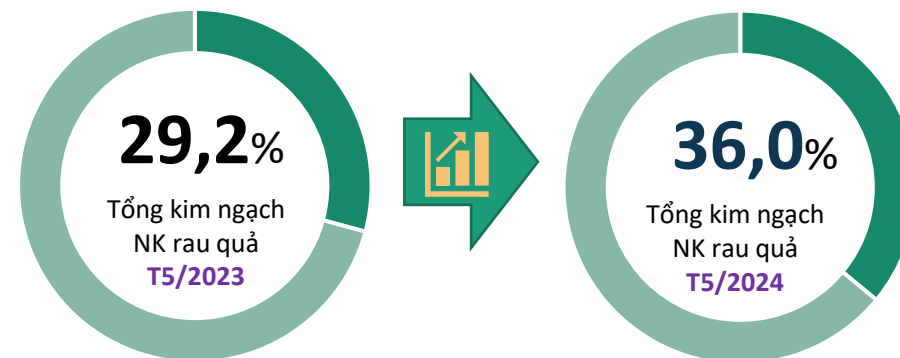
Thấp hơn **3,1 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

Lũy kế 5 tháng đầu năm 2024 đạt **317,3** triệu USD, đạt **39,9%** kim ngạch 2023

Tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T5/2024



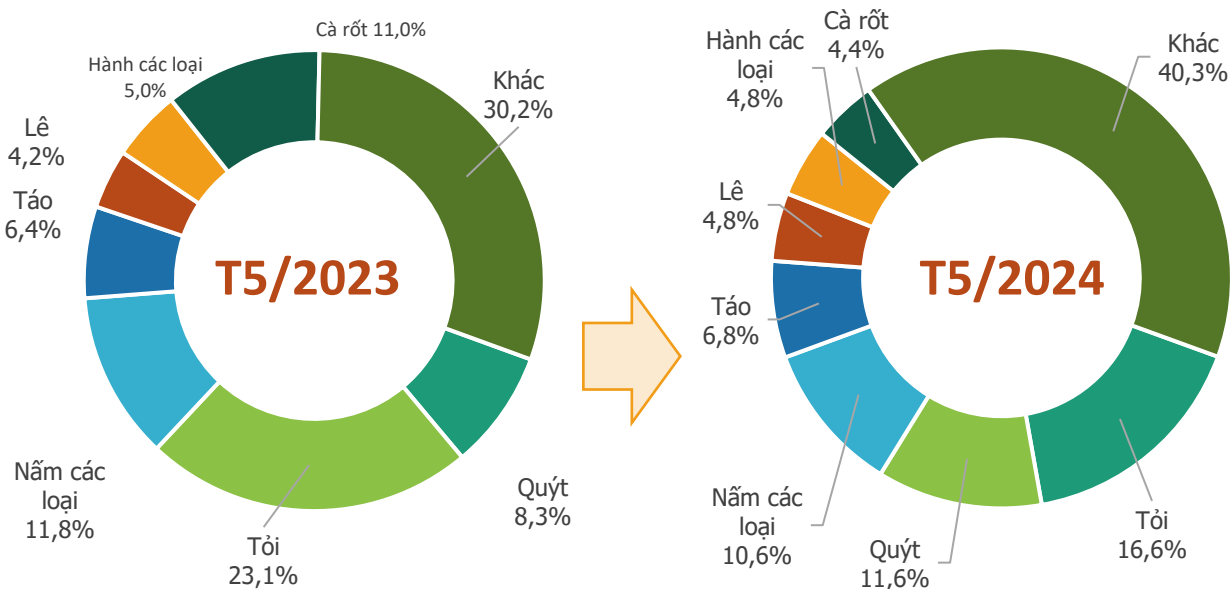
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T5/2024





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ Trung Quốc, T5/2024



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T5/2024



Quýt

Kim ngạch: **10,5** triệu USD
 Tăng **28,4%** so với T4/2024
 Giảm **4,0%** so với T5/2023



Tỏi

Kim ngạch: **7,3** triệu USD
 Giảm **30,2%** so với T4/2024
 Tăng **85,0%** so với T5/2023



Nấm các loại

Kim ngạch: **6,7** triệu USD
 Tăng **1,3%** so với T4/2024
 Tăng **19,9%** so với T5/2023



Táo

Kim ngạch: **4,3** triệu USD
 Tăng **2,0%** so với T4/2024
 Tăng **40,7%** so với T5/2023



Lê

Kim ngạch: **3,0** triệu USD
 Giảm **15,0%** so với T4/2024
 Tăng **52,7%** so với T5/2023



Hành

Kim ngạch: **3,0** triệu USD
 Tăng **25,0%** so với T4/2024
 Tăng **28,7%** so với T5/2023



Cà rốt

Kim ngạch: **2,8** triệu USD
 Tăng **117,0%** so với T4/2024
 Giảm **46,4%** so với T5/2023



Tin liên quan

Trung Quốc mở cửa cho sầu riêng tươi Malaysia

Ngày 20/6, Trung Quốc và Malaysia đã ký Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với sầu riêng tươi Malaysia xuất khẩu sang Trung Quốc. Malaysia đã xuất khẩu sầu riêng đông lạnh sang Trung Quốc năm 2019. Với Nghị định thư này, Malaysia hy vọng có thể đẩy mạnh xuất khẩu sầu riêng tươi sang Trung Quốc.

Nguồn: Guojiguoshu.com

Trung Quốc nhập khẩu 202.500 tấn sầu riêng tươi trong 4 tháng đầu năm 2024

Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, 4 tháng đầu năm nay, Trung Quốc đã nhập khẩu 202.500 tấn quả sầu riêng tươi, giá trị đạt 1,09 tỷ USD. Giá sầu riêng tươi nhập khẩu trung bình đạt gần 5.395 USD/tấn, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Thái Lan vẫn là nhà cung cấp sầu riêng tươi lớn nhất cho Trung Quốc. Tuy nhiên, tỷ trọng nhập khẩu từ Thái Lan (chiếm 60% trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc) giảm 26,7 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu do tình trạng nắng nóng và hạn hán đã ảnh hưởng đến sản lượng thu hoạch của Thái Lan. Trong khi đó, sầu riêng Việt Nam chiếm 39,2% tổng lượng sầu riêng tươi Trung Quốc nhập khẩu, tăng 25,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2023.

Nguồn: Freshplaza.com



Tin liên quan

Sầu riêng Hải Nam được bán ra thị trường với khối lượng lớn

Năm nay là năm thứ hai sầu riêng Hải Nam được tung ra thị trường với quy mô lớn. Sản lượng tăng đáng kể và thời gian bán ra thị trường sớm hơn 1 tháng so với năm ngoái. Giá bán lẻ sầu riêng đầu vụ là khoảng 60 CNY/jin (khoảng 18,6 USD/kg), tương đương với giá năm ngoái.

Quy mô trồng sầu riêng ở Hải Nam được dự báo sẽ tăng lên 100.000 mu (khoảng 6.667 ha) trong vòng 3-5 năm tới. Sầu riêng Hải Nam nở hoa vào tháng 3, được đưa ra thị trường từ cuối tháng 5, thời điểm chín trên diện rộng vào giữa tháng 6 và sẽ cho thu hoạch đến tháng 9.

Nguồn: Guojiguoshu.com

Giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc dự báo tăng trưởng mạnh

Theo Chủ tịch Hiệp hội rau quả Việt Nam (Vinafruit), xuất khẩu rau quả của Việt Nam sẽ tiếp tục thuận lợi trong thời gian tới nhờ nguồn cung nội địa dồi dào, nhu cầu các thị trường truyền thống và tiềm năng có xu hướng tăng, đặc biệt một số loại trái cây như sầu riêng đã bước vào vụ thu hoạch chính, thanh long, dưa, dưa hấu, xoài, nhãn, vải, v.v.

Theo Tổng thư ký Vinafruit, xuất khẩu sầu riêng sang Trung Quốc thuận lợi hơn khi chi phí logistics rẻ. Việt Nam đang có cơ hội tăng xuất khẩu sản lượng và chất lượng sầu riêng Thái Lan bị sụt giảm do hạn hán. Ngoài ra, năm nay Việt Nam được cấp gấp đôi mã vùng trồng so với 2023 nên kim ngạch xuất khẩu sầu riêng tăng mạnh.

Nguồn: kinhtetrungquoc.vn



GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T5/2024

KIM NGẠCH



↗ Tăng **13,8%** so với T4/2024

↗ Tăng **109,5%** so với T5/2023

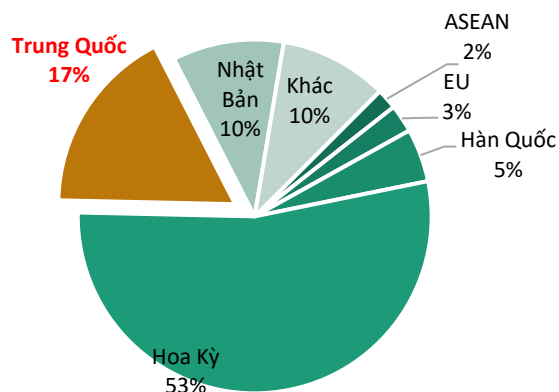
↗ Cao hơn **72,7 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

Lũy kế 5 tháng đạt **890,3** triệu USD, đạt **51,7%** kim ngạch 2023

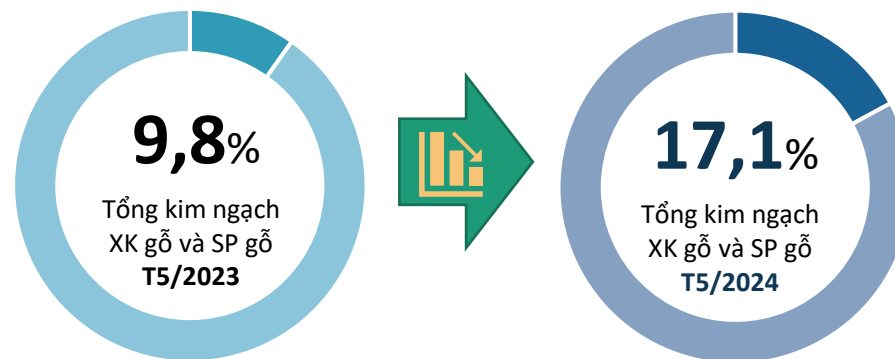
216

triệu USD

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



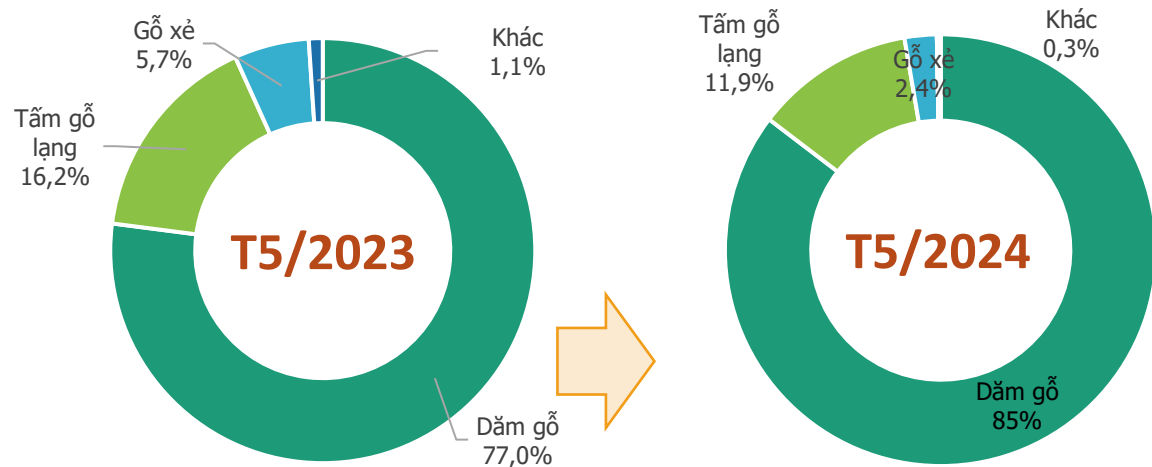
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T5/2024





GỠ VÀ SP GỠ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Dăm gỗ

Kim ngạch: **185,5** Triệu USD

Tăng **10%** so với T4/2024

Tăng **131%** so với T5/2023



Tấm gỗ lạng

Kim ngạch: **25,9** Triệu USD

Tăng **75%** so với T4/2024

Tăng **54%** so với T5/2023



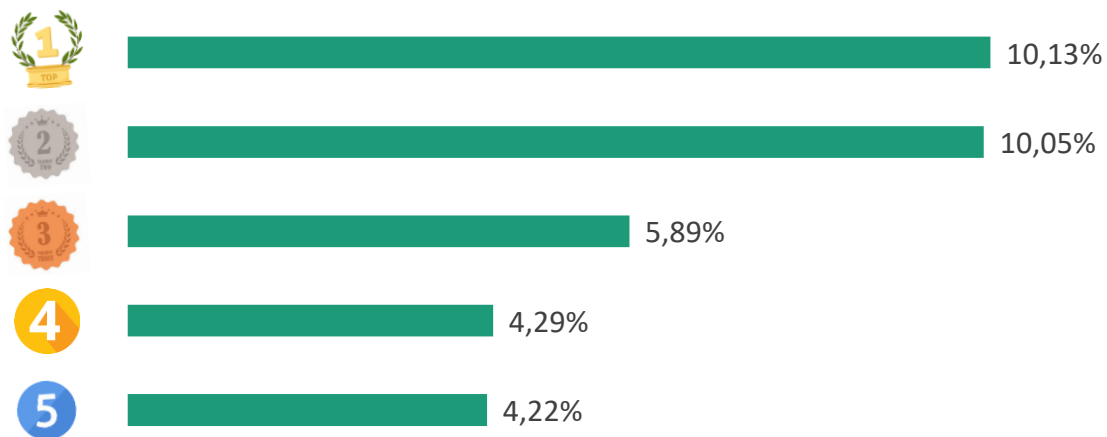
Gỗ xẻ

Kim ngạch: **5,2** Triệu USD

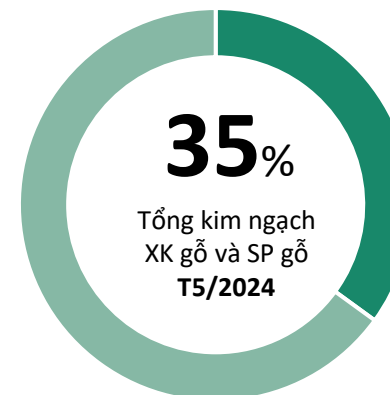
Giảm **11%** so với T4/2024

Giảm **12%** so với T5/2023

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK thị trường Trung Quốc, T5/2024





GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ TRUNG QUỐC

Trong quý I/2024, xuất khẩu gỗ dán của Trung Quốc đạt 2,936 triệu m³ với giá trị 1,104 tỷ USD, tăng 25% về khối lượng so với cùng kỳ năm 2023. Xuất khẩu gỗ dán sang Đài Loan đạt 481.000 m³ với giá trị 26 triệu USD, tăng 500% so với cùng kỳ năm 2023.

Trong quý I/2024, Trung Quốc nhập khẩu 86.550 m³ gỗ dán, tăng 109% so với cùng kỳ năm 2023. Nga là nhà cung cấp gỗ dán lớn nhất cho Trung Quốc với 75.520 m³, tăng 179% so với cùng kỳ năm trước, và chiếm 87% tổng lượng gỗ dán nhập khẩu của Trung Quốc.



Tin liên quan



SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Khối lượng và giá trị sản và SP từ sản XK sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T5/2024

KIM NGẠCH

38,55 triệu USD

↘ Giảm **46%** so với T4/2024

↘ Giảm **45,4%** so với T5/2023

↓ Thấp hơn **60 triệu USD** so với bình quân năm 2023

❖ Lũy kế 5 tháng đầu năm 2024 đạt **513 tr.USD**, đạt **43%** kim ngạch năm 2023

KHỐI LƯỢNG

83,04 nghìn tấn

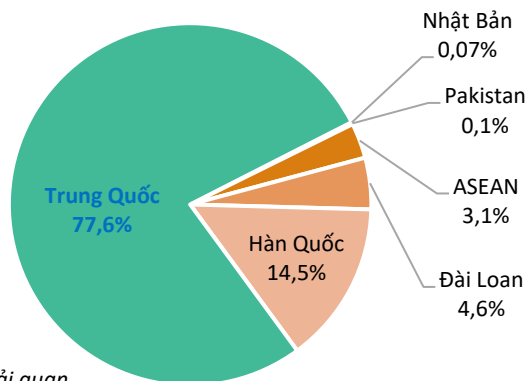
↘ Giảm **50%** so với T4/2024

↘ Giảm **51,5%** so với T5/2023

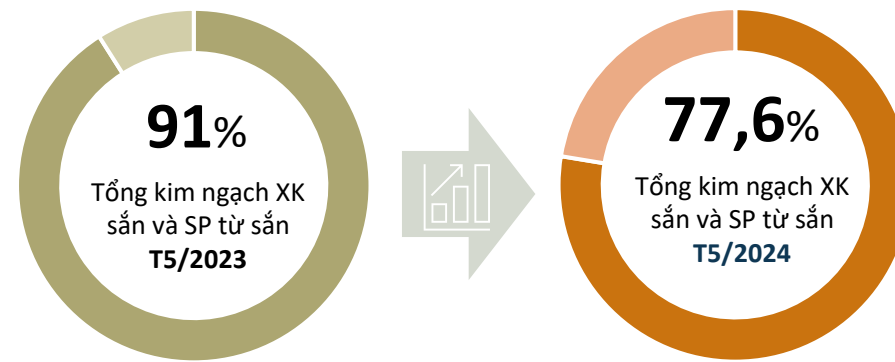
↓ Thấp hơn **142 nghìn tấn** so với bình quân năm 2023

❖ Lũy kế 5 tháng đầu năm 2024 đạt **1,15 tr.tấn**, đạt **42%** khối lượng năm 2023

Tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



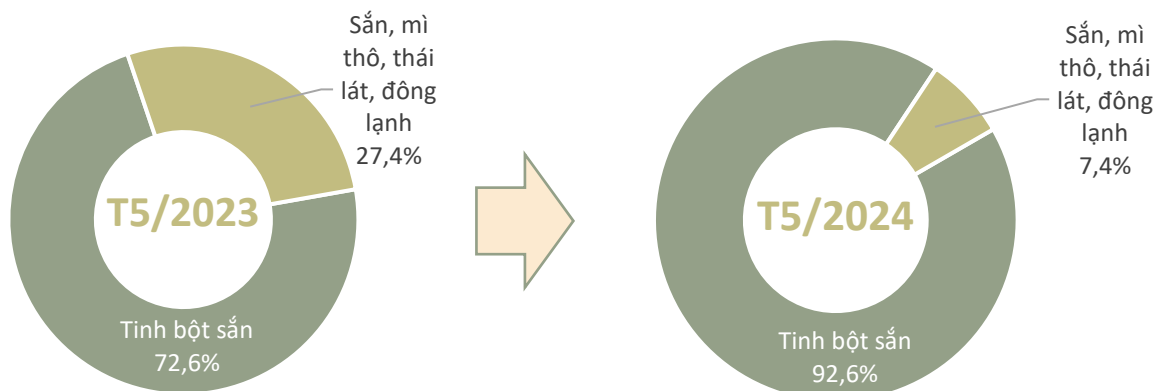
Biến động tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T5/2024





SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Cơ cấu chủng loại sản và SP từ sản XK sang thị trường Trung Quốc T5/2024



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc T5/2024



Sắn thô, thái lát, đông lạnh

Kim ngạch: **2,83** triệu USD

Giảm **79%** so với T4/2024

Giảm **85%** so với T5/2023



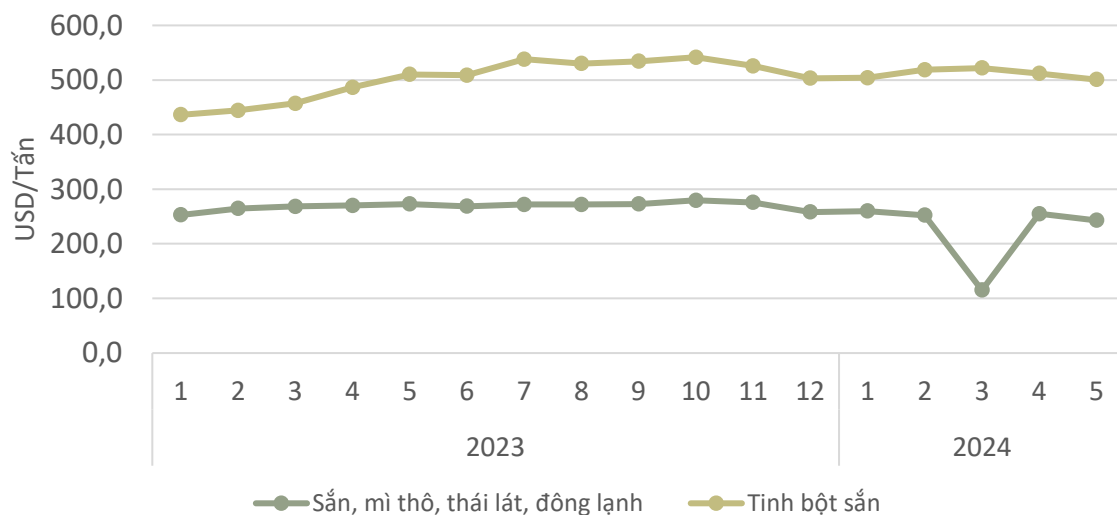
Tinh bột sắn

Kim ngạch: **35,72** triệu USD

Giảm **38%** so với T4/2024

Giảm **30%** so với T5/2023

Giá sản và SP từ sản XK bình quân sang thị trường Trung Quốc T5/2024



Tinh bột sắn

Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2024 ở mức **501** USD/tấn; giảm **2,2%** so với tháng trước; và giảm **1,8%** so với cùng kỳ năm 2023.

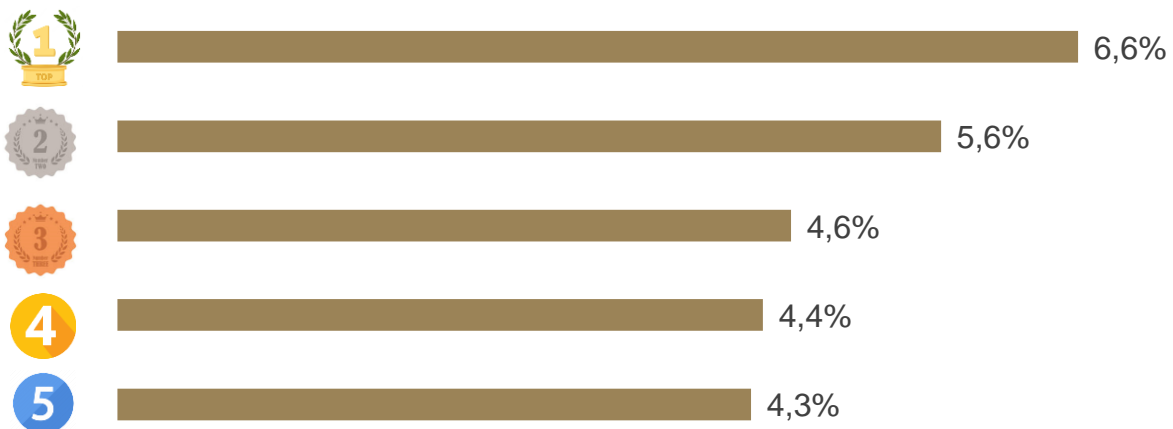
Sắn thô, thái lát, đông lạnh

Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2024 ở mức **243** USD/tấn; giảm **4,7%** so với tháng trước; và giảm **11%** so với cùng kỳ năm 2023.

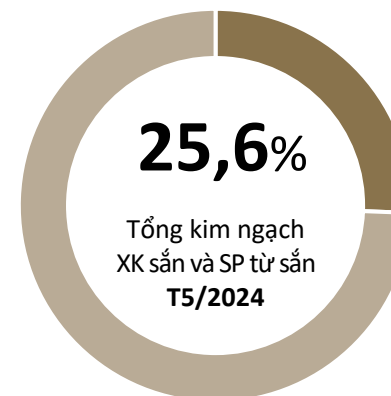


SẢN VÀ SP TỪ SẢN

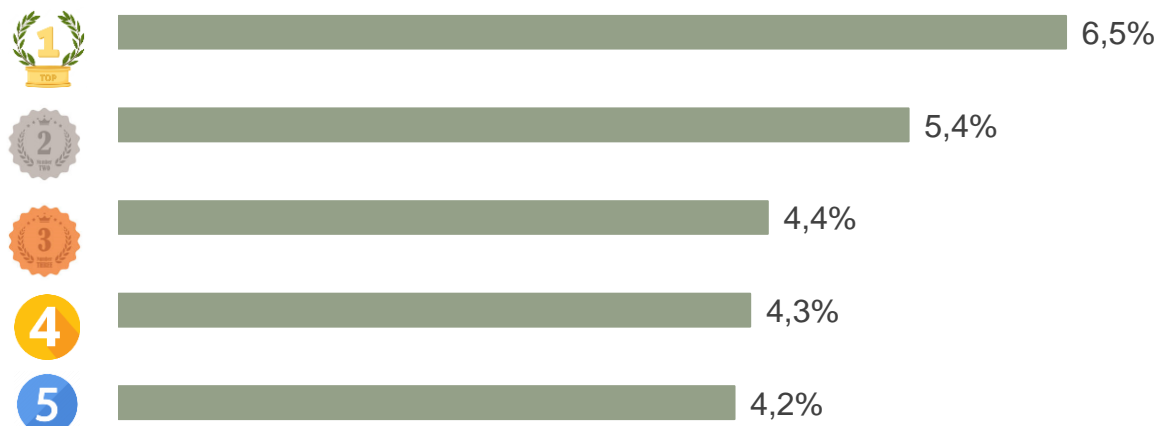
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



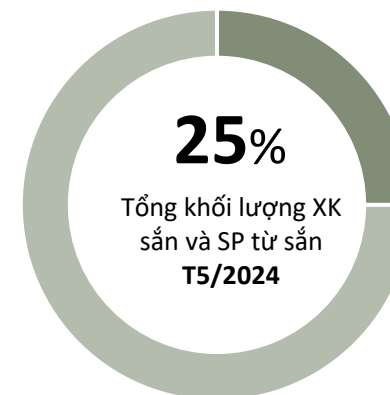
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



TOP 5 DN về khối lượng XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



SẢN VÀ SP TỪ SẢN

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG SẢN VÀ SP TỪ SẢN TRUNG QUỐC



Tháng 5/2024, khối lượng và giá trị nhập khẩu sản lát khô của Trung Quốc lần lượt là 114,6 nghìn tấn và 28,89 triệu USD, giảm tương ứng 78,5% và 80,56% so với cùng kỳ năm 2023.

Lũy kế 5 tháng đầu năm 2024, khối lượng và giá trị nhập khẩu sản lát khô của Trung Quốc lần lượt là 1,20 triệu tấn và 315 triệu USD, giảm lần lượt là 66,6% và 68,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, lượng sản lát khô nhập khẩu từ Thái Lan chiếm 76,8%, Việt Nam chiếm 22,58%.



Tháng 5/2024, khối lượng nhập khẩu tinh bột sản của Trung Quốc lần là 191,7 nghìn tấn, giảm 98,02% giảm 48,01% so với tháng trước và tăng 14,70% so với cùng kỳ năm ngoái.

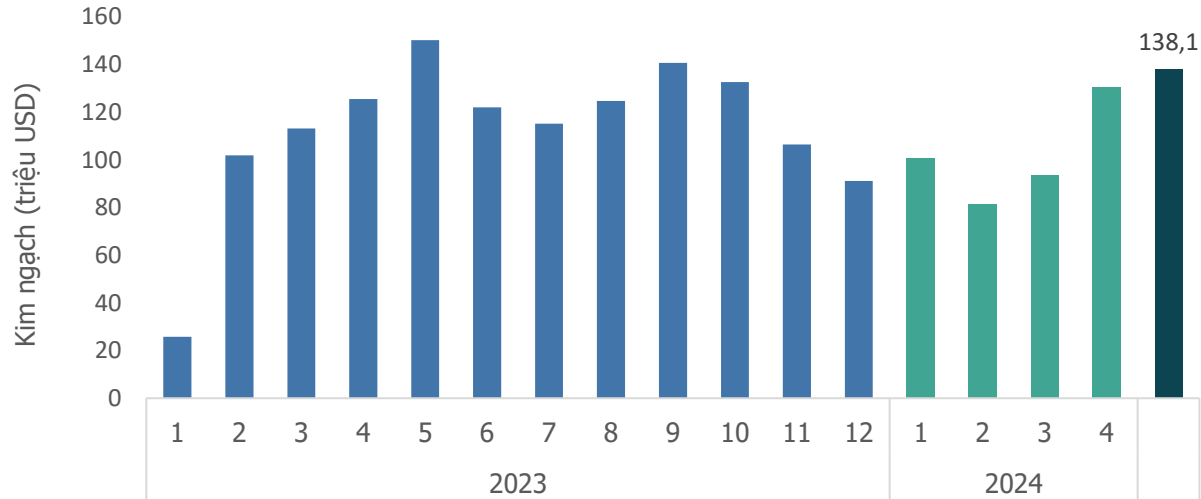
Lũy kế 5 tháng đầu năm 2024, khối lượng nhập khẩu tinh bột sản của Trung Quốc lần lượt là 1,56 triệu tấn tăng 14,22% so với cùng kỳ năm ngoái. Thái Lan và Việt Nam là hai nhà cung cấp tinh bột sản chính với thị phần tương ứng 45,49% và 36,86%.





THỦY SẢN

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T5/2024

KIM NGẠCH

138,1 triệu USD



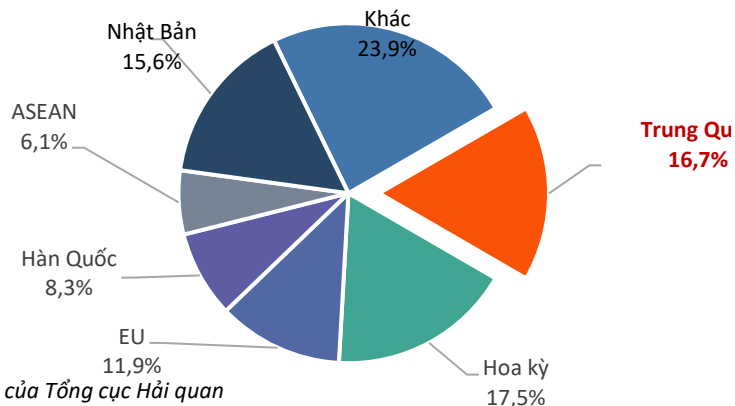
↗ Tăng **5,9%** so với T4/2024

↘ Giảm **8,1%** so với T5/2023

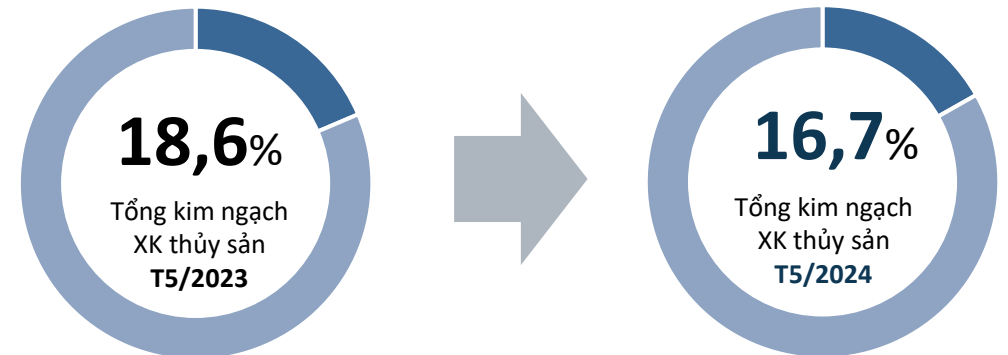
▲ Cao hơn **25,7** triệu USD so với bình quân năm 2023

❖ Lũy kế 5 tháng 2024 đạt **544,3** triệu USD, đạt **40,3%** kim ngạch 2023

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



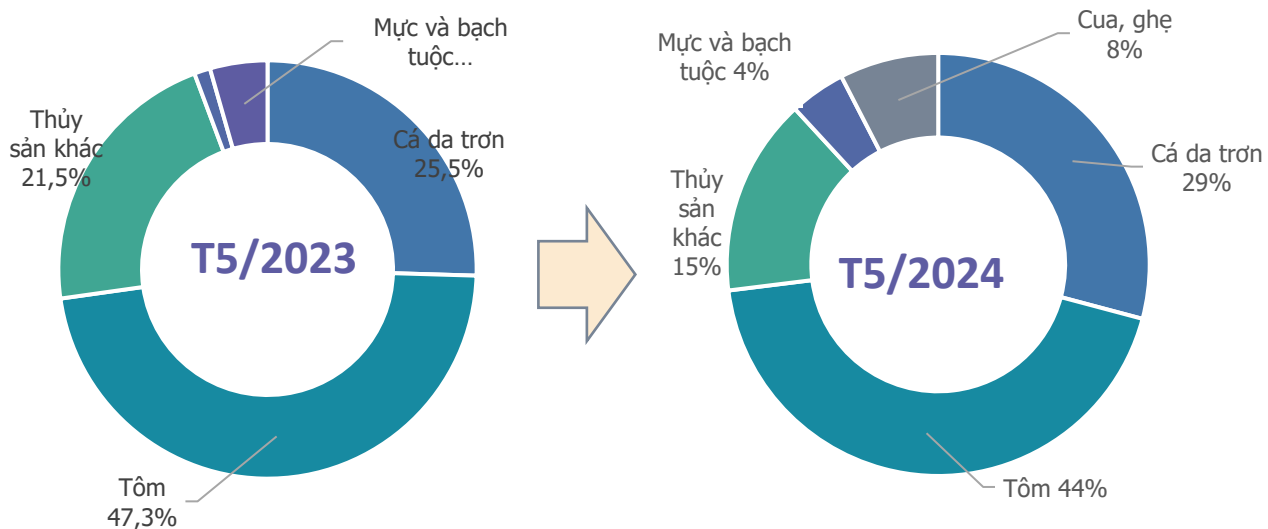
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T5/2024





THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Cá da trơn

Kim ngạch: **40,3** Triệu USD
 Tăng **21,0%** so với T4/2024
 Tăng **5,2%** so với T5/2023



Tôm

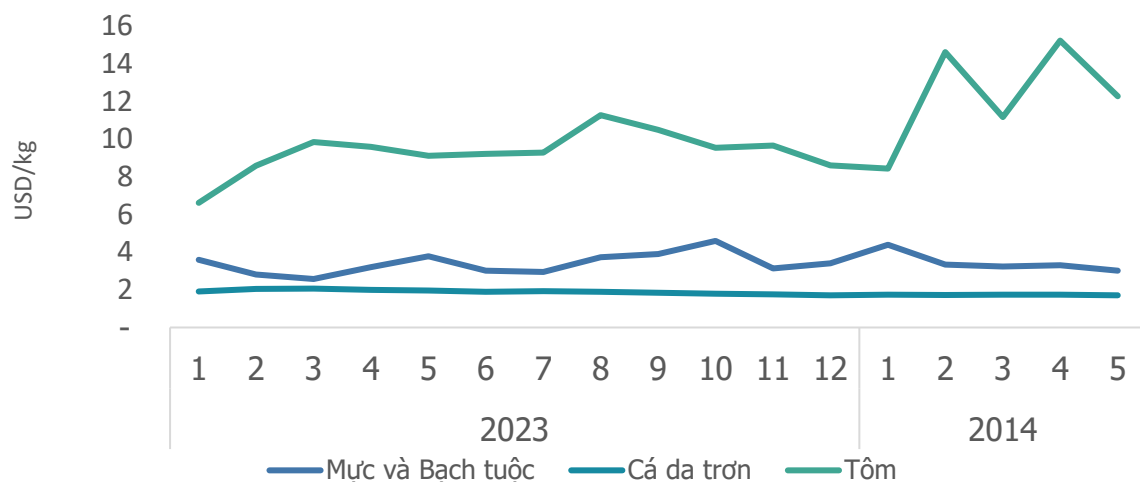
Kim ngạch: **60,6** Triệu USD
 Tăng **5,2%** so với T4/2024
 Giảm **14,7%** so với T5/2023



Mực và bạch tuộc

Kim ngạch: **5,9** Triệu USD
 Tăng **17,7%** so với T4/2024
 Giảm **11,5%** so với T5/2023

Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Mực và Bạch tuộc

Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2024 ở mức **3,0** USD/kg; **giảm 8,7%** so với tháng trước; và **giảm 20,2%** so với cùng kỳ năm 2023.

Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2024 ở mức **1,7** USD/kg; **giảm 1,9%** so với tháng trước; và **giảm 12,9%** so với cùng kỳ năm 2023.

Tôm

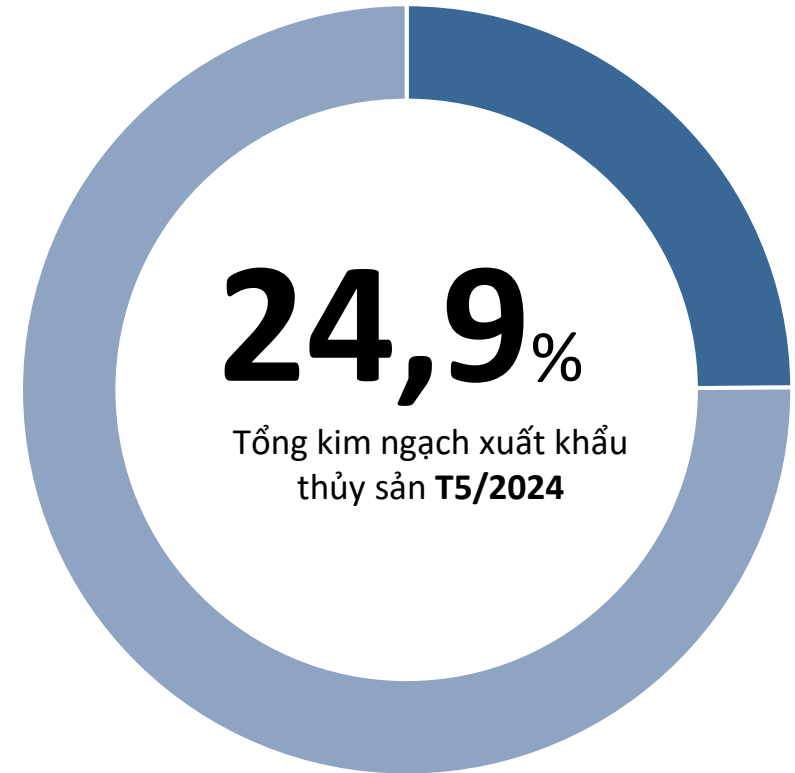
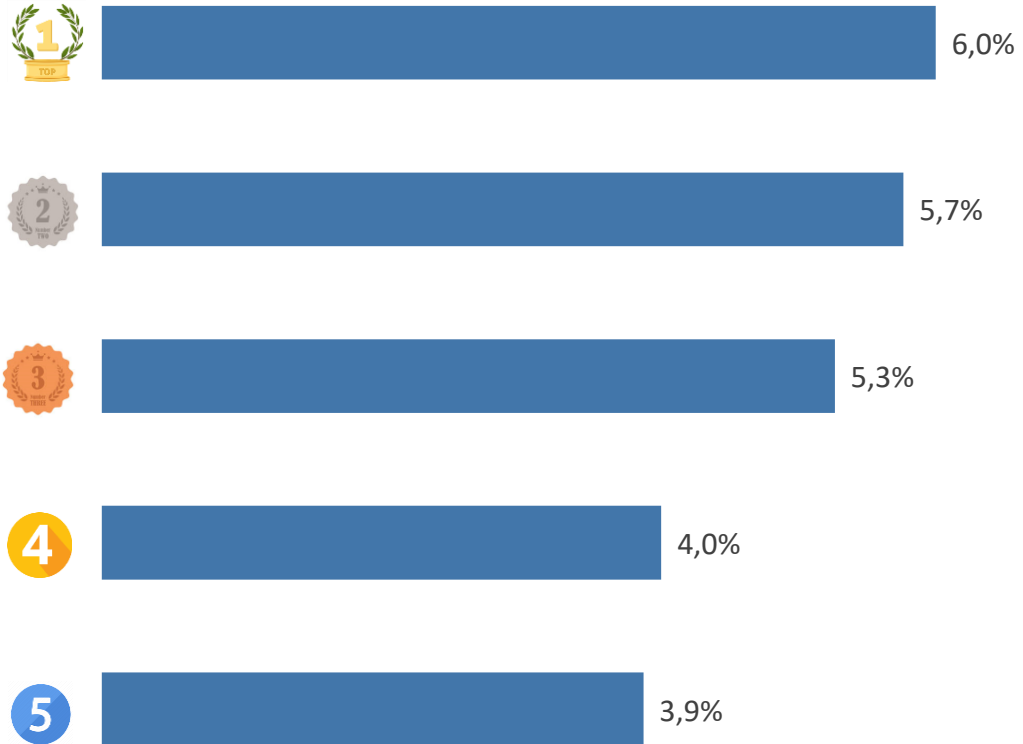
Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2024 ở mức **12,3** USD/kg; **giảm 19,5%** so với tháng trước; và **tăng 24,6%** so với cùng kỳ năm 2023.



THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T5/2024

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Trung Quốc dỡ bỏ lệnh cấm với 9 nhà xuất khẩu tôm của Ecuador

Vào ngày 5/6, Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã dỡ bỏ các hạn chế với tôm Ecuador, sau khi việc nhập khẩu bị đình chỉ do “phát hiện dư lượng sulfite vượt quá mức cho phép trong các lô hàng tôm từ tháng 2 và 3 năm 2024. 9 doanh nghiệp trong danh sách có thể tiếp tục xuất khẩu tôm khi có chứng nhận tuân thủ tiêu chuẩn trong mỗi lô hàng.

Lệnh cấm của Trung Quốc đã khiến xuất khẩu tôm của Ecuador trong quý I 2024 giảm 27% về lượng và 43% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Thị phần xuất khẩu tôm của Ecuador tại thị trường Trung Quốc đã giảm từ 64% trong quý 1/2023 xuống còn 50% trong quý 1/2024.

Nguồn: Vasep

Giá tôm nuôi tại Trung Quốc tiếp tục giảm

Giá tôm thẻ chân trắng tại Trung Quốc giảm mạnh khiến nhiều người nuôi tôm thua lỗ. Tại tỉnh Quảng Đông, giá tôm loại 60 con/kg giảm xuống còn 38 NDT/kg (5,25 USD/kg) trong tuần 23 (3-9/6/2024). Ở Sơn Đông, giá tôm loại 60 con/kg giảm còn 37 NDT/kg (5,11 USD/kg), và tại Giang Tô, giá giảm còn 34 NDT/kg (4,69 USD/kg). Theo "Aquaculture Wealth", giá tôm hiện thấp hơn chi phí sản xuất (36-40 NDT/kg, khoảng 4,97-5,52 USD/kg), khiến người nuôi tôm thua lỗ. Dự kiến giá tôm loại 60 con sẽ giảm xuống dưới 30 NDT/kg (4,14 USD/kg) vào tháng 7 tới. Tình hình này khiến một số nông dân đã thu hoạch xong nhưng chưa thả nuôi lứa mới.

Nguồn: Vasep

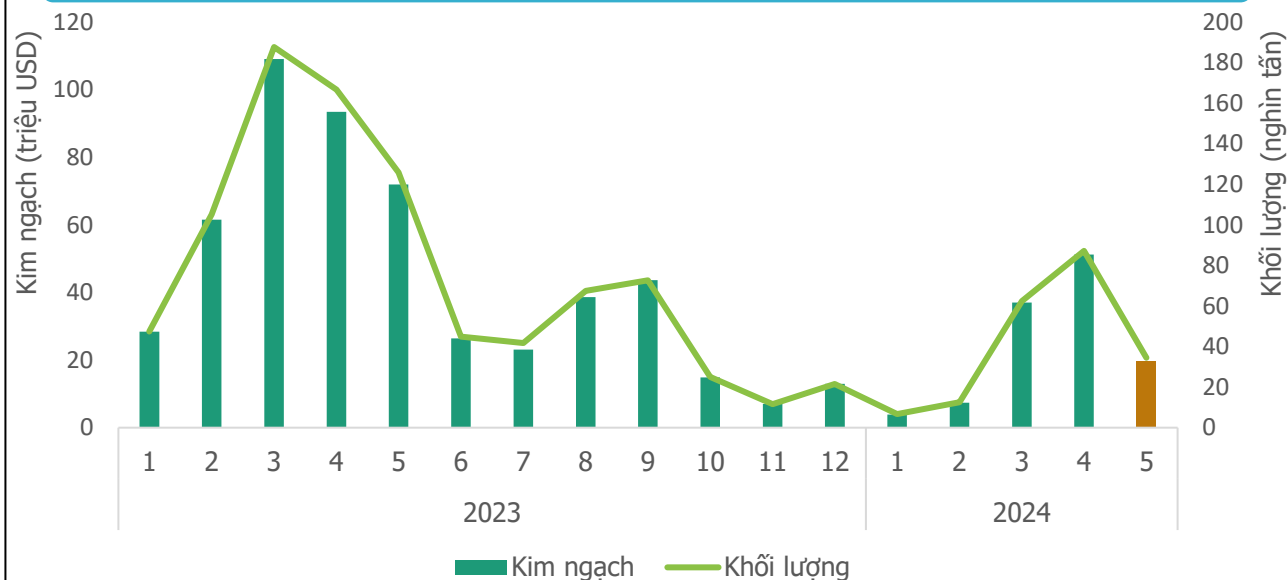


Tin liên quan



LÚA GẠO

Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T5/2024

KIM NGẠCH

19,7 triệu USD



↘ Giảm **61,6%** so với T4/2024

↘ Giảm **72,6%** so với T5/2023

↓ Thấp hơn **24,6 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế 5 tháng đạt **119,3 triệu USD**, đạt **22,5%** kim ngạch 2023

KHỐI LƯỢNG

34,6 nghìn tấn



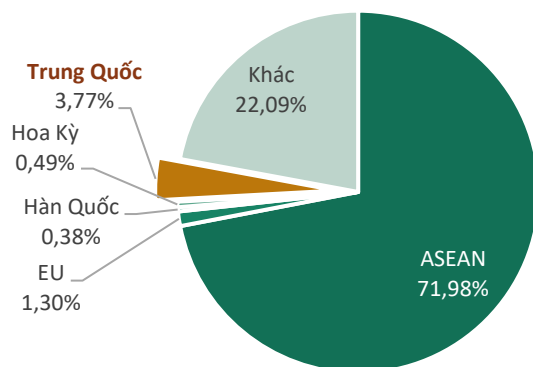
↘ Giảm **60,4%** so với T4/2024

↘ Giảm **72,6%** so với T5/2023

↓ Thấp hơn **42,0 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế 5 tháng đạt **203,7 nghìn tấn**, đạt **22,2%** lượng năm 2023

Tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



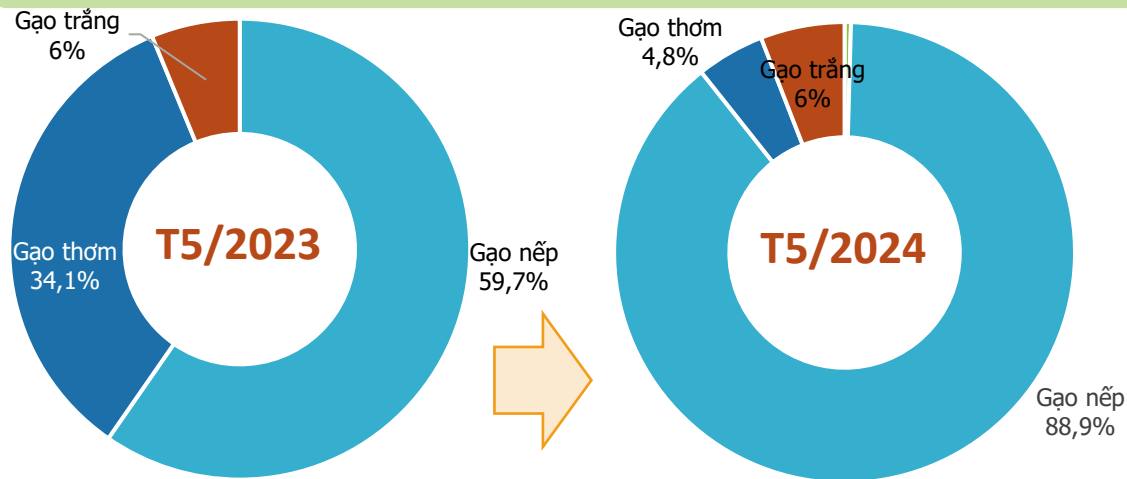
Biến động tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



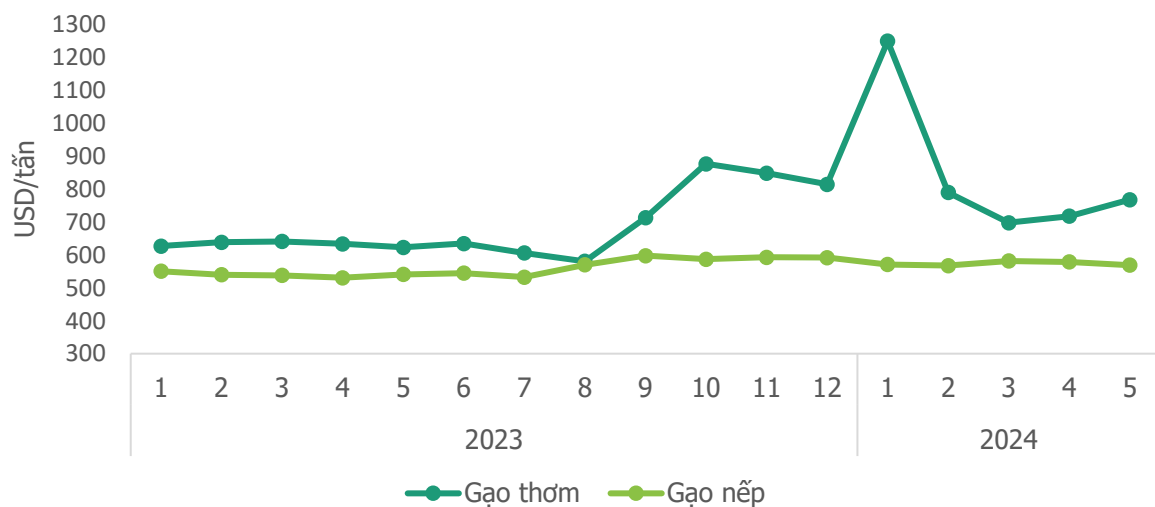


LÚA GẠO

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Gạo nếp

Kim ngạch: **17,5** triệu USD
Giảm **61%** so với T4/2024
Giảm **59%** so với T5/2023



Gạo trắng

Kim ngạch: **1,2** triệu USD
Giảm **25%** so với T4/2024
Giảm **74%** so với T5/2023



Gạo thơm

Kim ngạch: **0,9** triệu USD
Giảm **82%** so với T4/2024
Giảm **96%** so với T5/2023

Gạo nếp

Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2024 ở mức **569** USD/tấn; **giảm 2%** so với tháng trước; và **tăng 5%** so với cùng kỳ năm 2023.

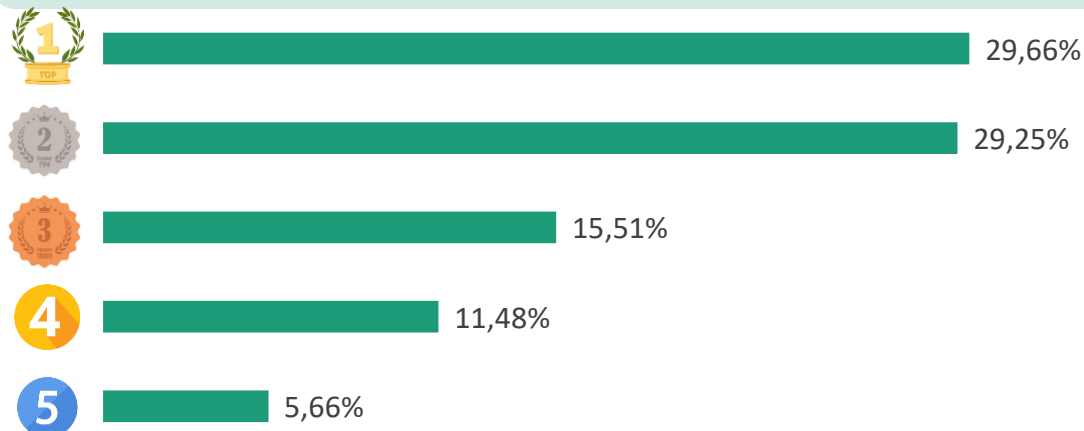
Gạo thơm

Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2024 ở mức **768** USD/tấn; **tăng 7%** so với tháng trước; và **tăng 23%** so với cùng kỳ năm 2023.

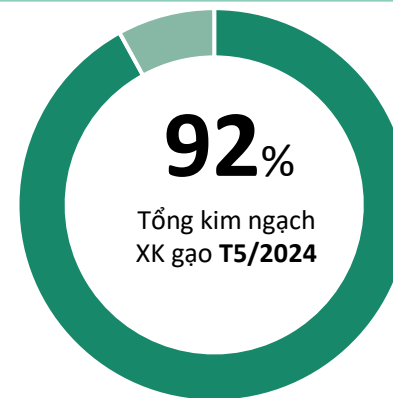


LÚA GẠO

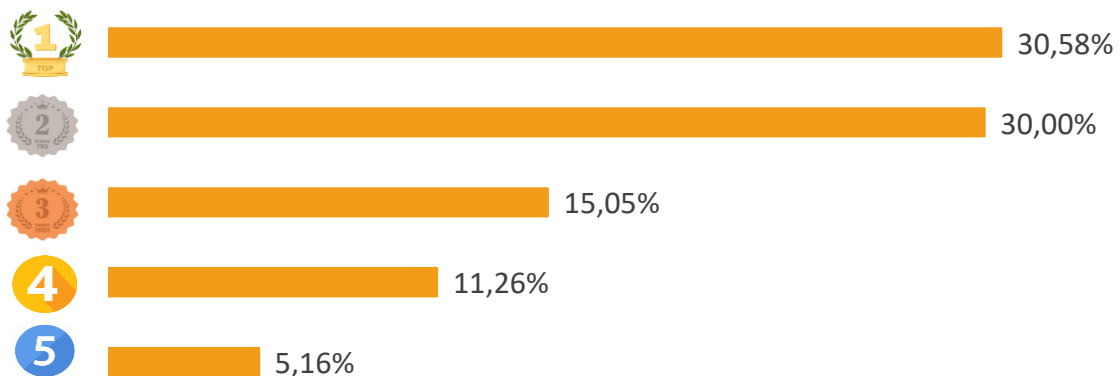
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



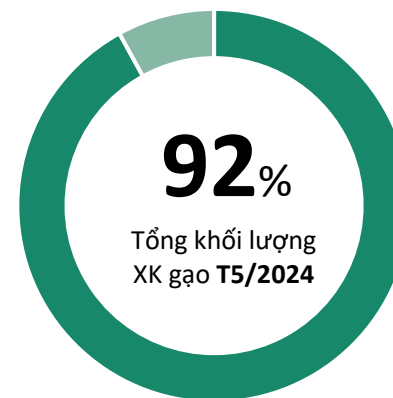
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T5/2024





LÚA GẠO



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO TRUNG QUỐC

Ngày 29/6/2024, Trung Quốc đã mở cửa cho nhập khẩu gạo từ Hoa Kỳ, báo hiệu mối quan hệ giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới đang ấm lên sau một năm căng thẳng. Hiện chưa rõ Trung Quốc sẽ nhập khẩu bao nhiêu gạo từ Hoa Kỳ. Tuy nhiên, động thái này cho thấy mối quan hệ Hoa Kỳ và Trung Quốc đang được cải thiện.

Nguồn: Yahoo.com

Trong 5 tháng đầu năm 2024, Việt Nam đã xuất khẩu 4,03 triệu tấn gạo, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chỉ đạt 203 nghìn tấn, giảm 67,8% so với cùng kỳ.

Nguồn: baodautu.vn

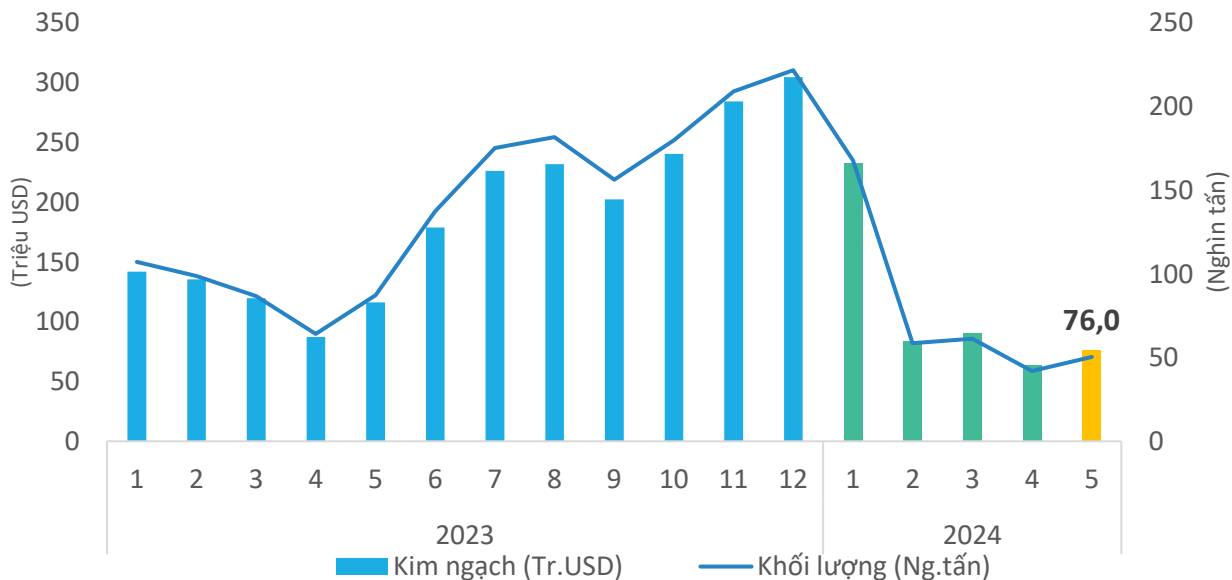


TIN LIÊN QUAN



CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T5/2024

KIM NGẠCH

76,01 triệu USD

↗ Tăng **20%** so với T4/2024

↘ Giảm **13%** so với T5/2023

↓ Thấp hơn **113 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế 5 tháng đầu năm 2024 đạt **547 tr.USD**, đạt **24%** kim ngạch năm 2023

KHỐI LƯỢNG

50,5 nghìn tấn

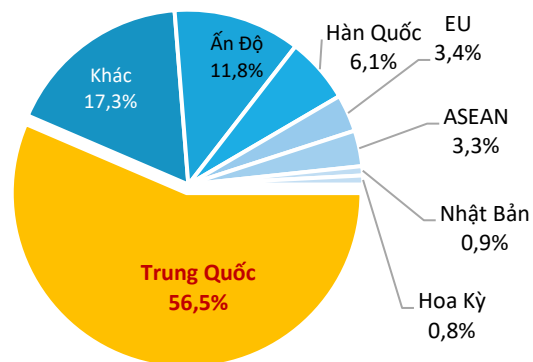
↗ Giảm **20%** so với T4/2024

↘ Giảm **21%** so với T5/2023

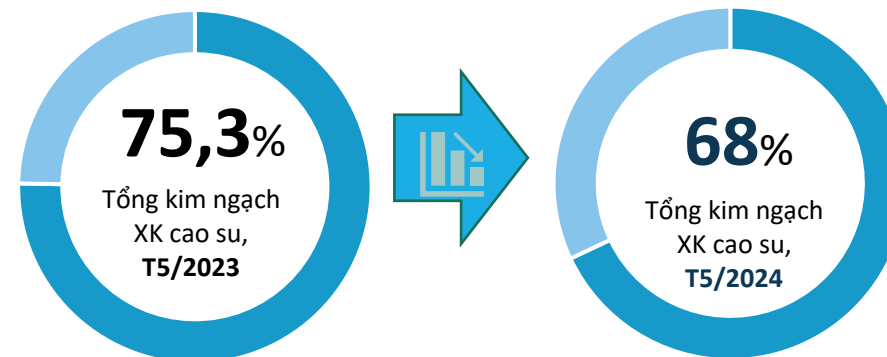
↓ Thấp hơn **91 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế 5 tháng đầu năm 2024 đạt **380 nghìn tấn**, đạt **22%** khối lượng năm 2023

Tỷ trọng giá trị cao su Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



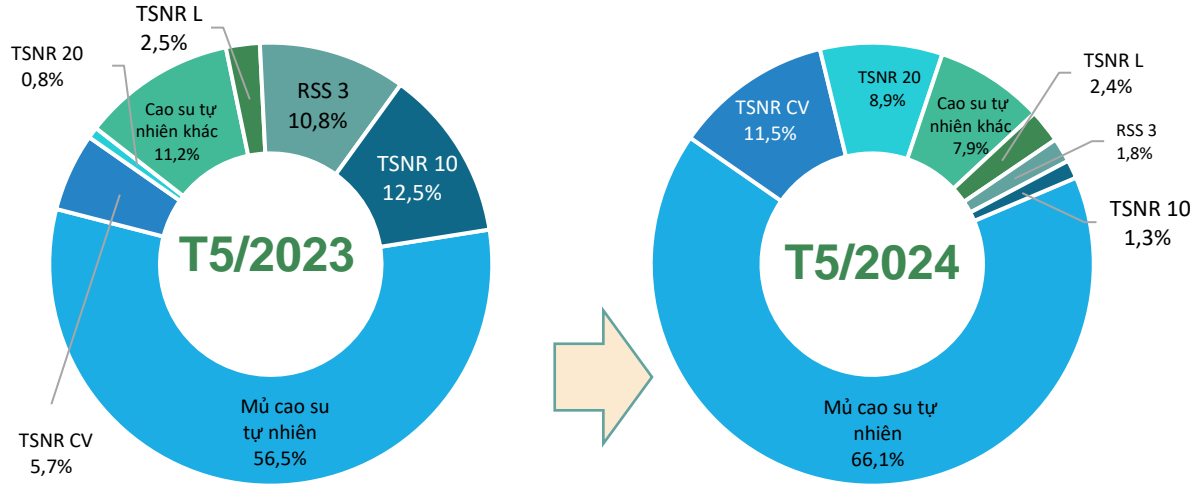
Biến động tỷ trọng giá trị cao su VN sang thị trường Trung Quốc, T5/2024





CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Mủ cao su tự nhiên

Kim ngạch: **50,2** triệu USD
 Tăng **85%** so với T4/2024
 Tăng **23,6%** so với T5/2023



RSS 3

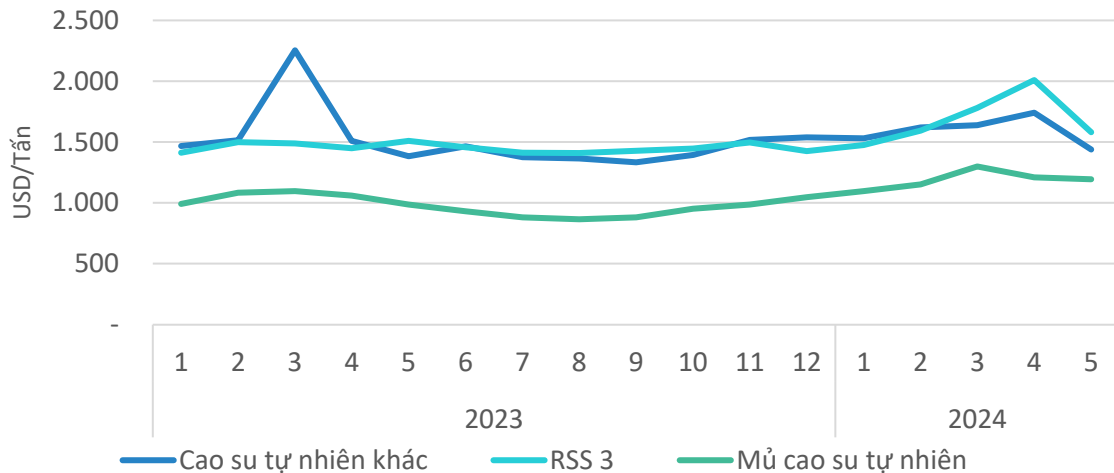
Kim ngạch: **1,35** triệu USD
 Tăng **138%** so với T4/2024
 Giảm **89%** so với T5/2023



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **6,03** triệu USD
 Giảm **37%** so với T4/2024
 Giảm **54%** so với T5/2023

Giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Mủ cao su tự nhiên

Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2024 ở mức **1.193 USD/tấn**; **giảm 1,4%** so với tháng trước; và **tăng 21%** so với cùng kỳ năm 2023.

RSS 3

Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2024 ở mức **1.582 USD/tấn**; **giảm 21%** so với tháng trước; và **tăng 4,7%** so với cùng kỳ năm 2023.

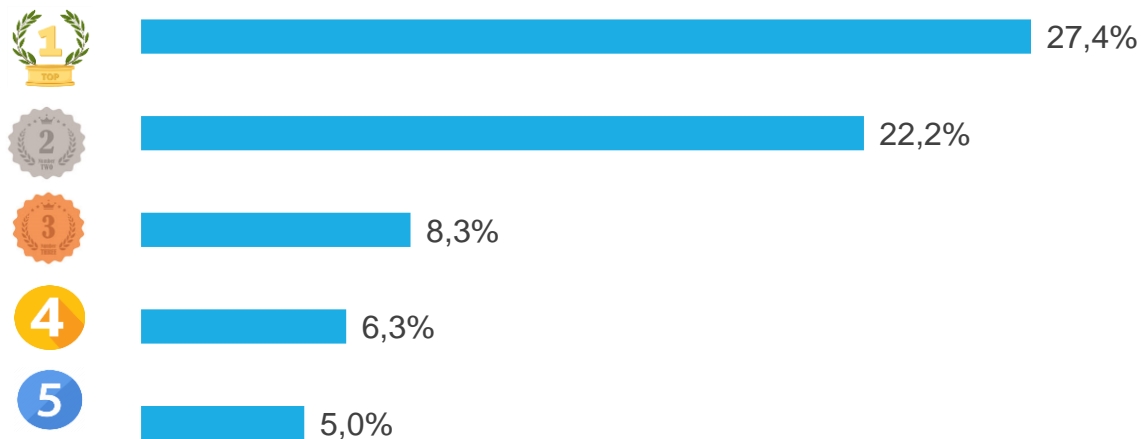
Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2024 ở mức **1.439 USD/tấn**; **giảm 17%** so với tháng trước; và **tăng 4%** so với cùng kỳ năm 2023.

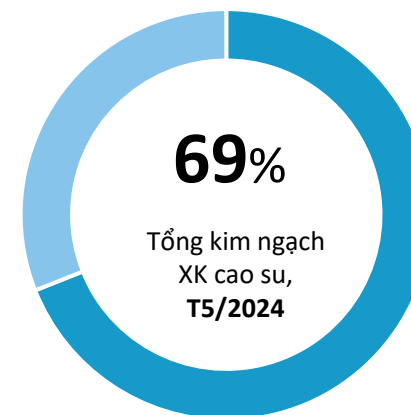


CAO SU

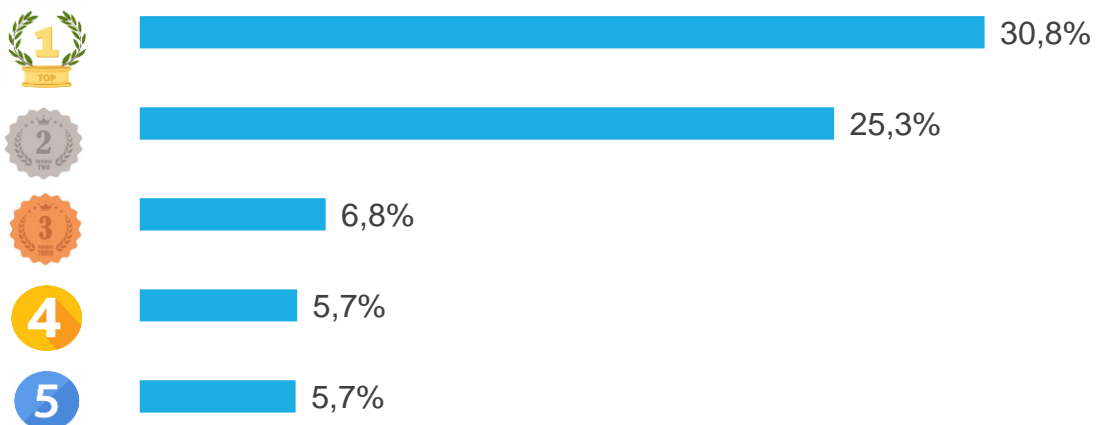
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



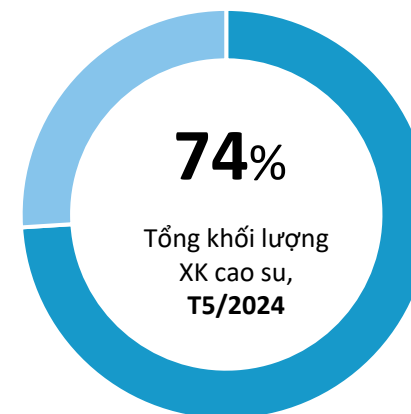
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T5/2024





CAO SU

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU TRUNG QUỐC

❖ Tháng 5/2024, Trung Quốc nhập khẩu đạt 485 nghìn tấn cao su tự nhiên và tổng hợp (kể cả mủ cao su), giảm 20,9% về lượng so với cùng kỳ năm 2023.

Trong 5 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu đạt 2,81 triệu tấn cao su tự nhiên và tổng hợp (kể cả mủ cao su), giảm 16,6% về lượng so với cùng kỳ năm 2023.

Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc

❖ Tháng 5/2024, sản lượng lốp xe cao su ở Trung Quốc đạt 93,4 triệu chiếc, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong 5 tháng đầu năm 2024, sản lượng vỏ lốp cao su đạt 432,1 triệu chiếc, tăng 11,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

Nguồn: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc

❖ Trong 5 tháng đầu năm 2024, tổng khối lượng xuất khẩu lốp cao su của Trung Quốc đạt 3,63 triệu tấn, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khối lượng xuất khẩu lốp ô tô đạt 3,1 triệu tấn, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2023.

Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc



Tin liên quan





ĐIỀU

Khối lượng và giá trị điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc, T5/2024

KIM NGẠCH

89,2 triệu USD

↗ Tăng **27%** so với T4/2024

↗ Tăng **19%** so với T5/2023

↑ Cao hơn **32 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế 5 tháng đầu năm 2024 đạt **291 tr.USD**, đạt **42%** kim ngạch năm 2023

KHỐI LƯỢNG

16,3 nghìn tấn

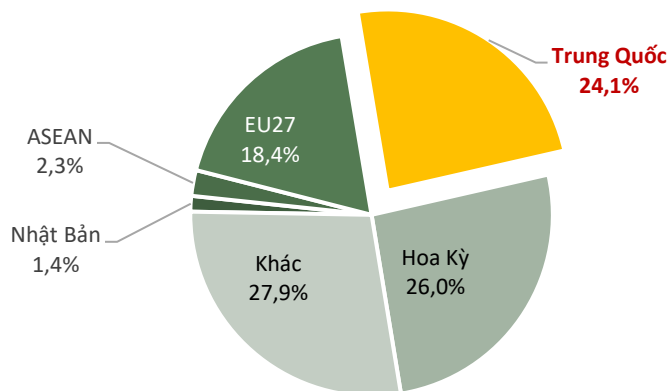
↗ Tăng **19%** so với T4/2024

↗ Tăng **43%** so với T5/2023

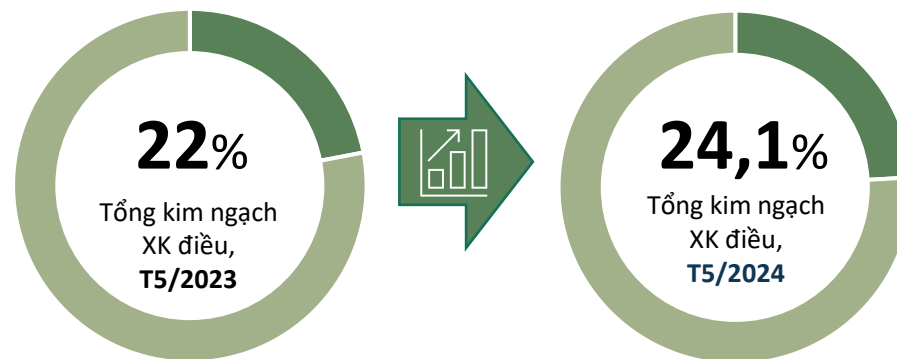
↑ Cao hơn **6,8 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế 5 tháng đầu năm 2024 đạt **53,6 nghìn tấn**, đạt **47%** khối lượng năm 2023

Tỷ trọng giá trị điều của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



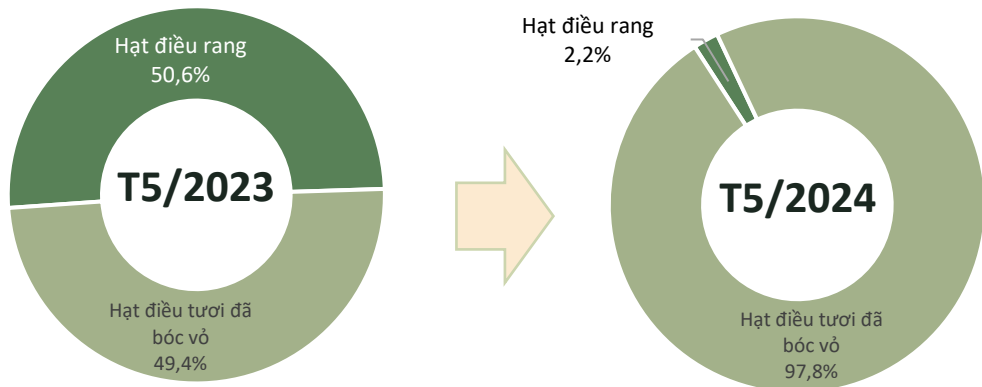
Biến động tỷ trọng giá trị điều của VN sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



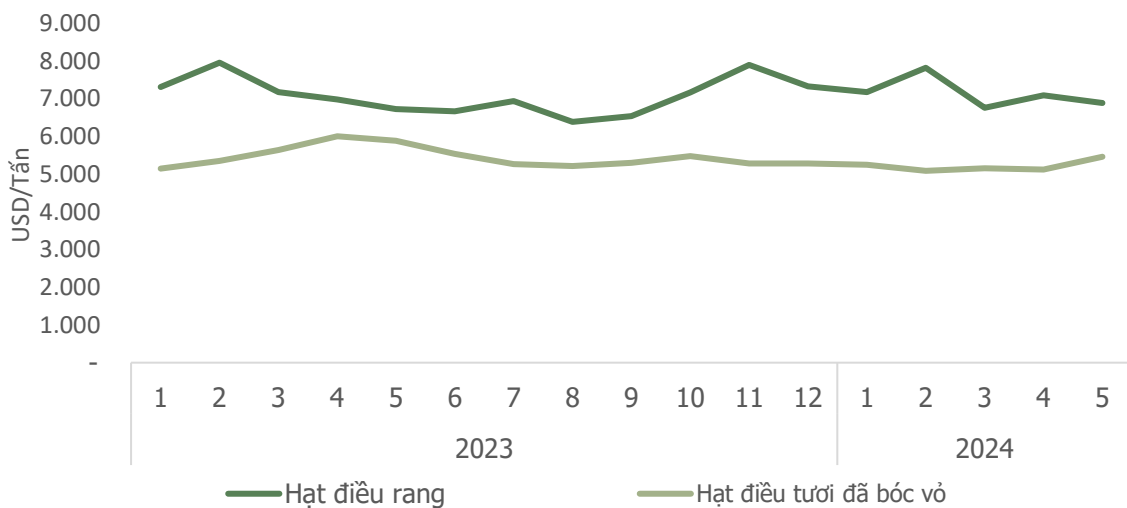


ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Giá điều xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Điều tươi đã bóc vỏ

Kim ngạch: **87,3** triệu USD

Tăng **27,5%** so với T4/2024

Tăng **140%** so với T5/2023



Điều rang

Kim ngạch: **1,9** triệu USD

Tăng **52,6%** so với T4/2024

Giảm **95%** so với T5/2023

Điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2024 ở mức **5.463** USD/tấn; **tăng 6,6%** so với tháng trước; và **giảm 7,2%** so với cùng kỳ năm 2023.

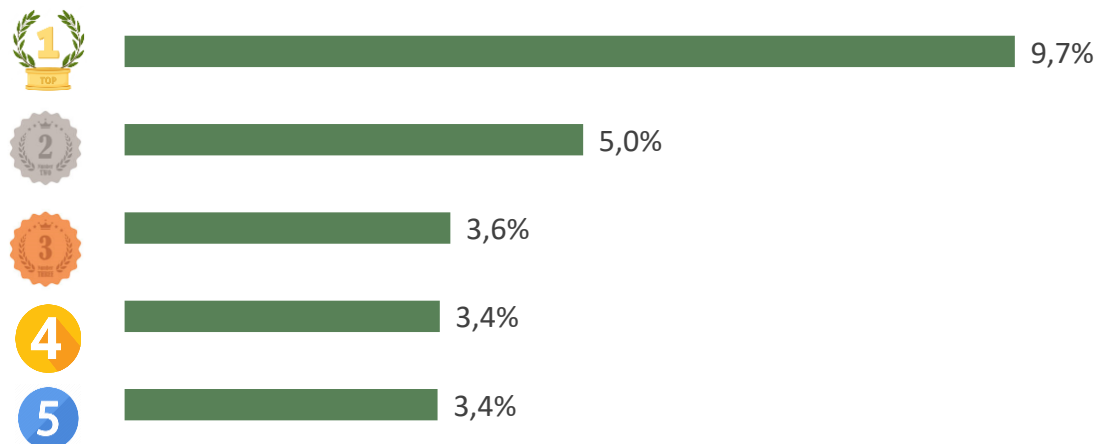
Điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2024 ở mức **6.883** USD/tấn; **giảm 2,9%** so với tháng trước; và **tăng 2,3%** so với cùng kỳ năm 2023.

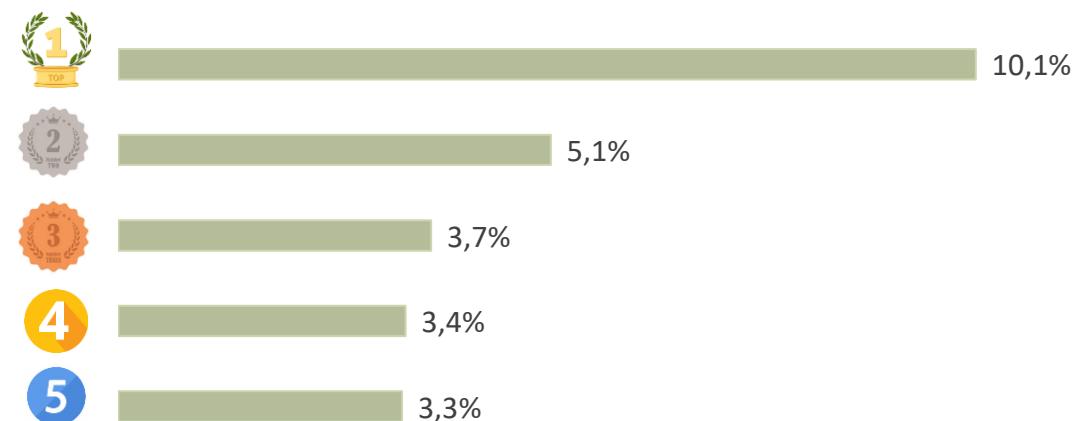


ĐIỀU

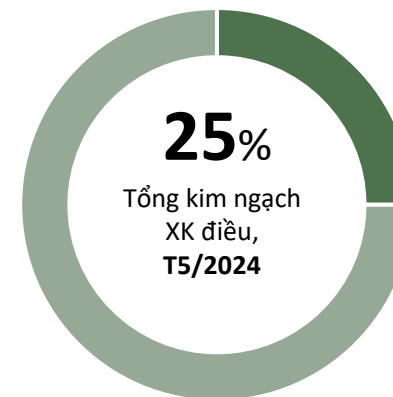
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



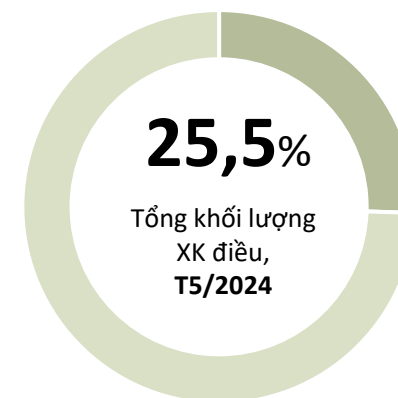
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T5/2024



Ipsard

AGRO@INFO

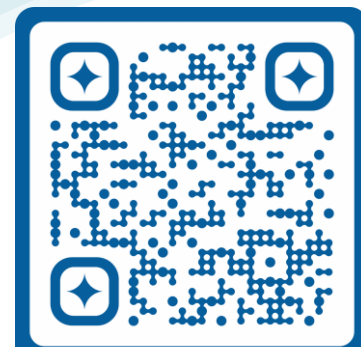
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN
VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinthitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo